

Bản án số: **194/2024/DS-ST**

Ngày: 23- 9- 2024

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

- *Tphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Lê Văn Tài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST- DS, ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 G các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, Năm 1955. Nơi cư trú: Số 92/1, ấp A T, xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt)

Các bị đơn:

1. Ông Lê Văn S, Năm 1963. Nơi cư trú: Số 71/1, ấp T B, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1947. Nơi cư trú: số 4/1, ấp A H B, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Ông Lê Văn X, Năm 1949. Nơi cư trú: Số 23/1, ấp An Thủy, xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. Ông Lê Văn Không, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số 103/1, ấp G B, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

5. Ông Lê Văn C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 46/1, ấp A T, xã A Q, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

6. Ông Lê Văn G, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 51/1, ấp A T, xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

7. Bà Lê Thị Muội, Năm 1967. Nơi cư trú: Số 51/1, ấp A T, xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Cha mẹ bà D là ông Lê Văn T, sinh năm 1919, chết ngày 06/07/2020, theo Trích lục khai tử số 170/TLKT-BS do UBND xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre cấp ngày 08/7/2020 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1922, chết ngày 07/12/2010, theo Trích lục khai tử số 1503/2021/TLKT-BS do UBND xã A Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/8/2021. Cha mẹ của bà có 08 người con chung là Lê Thị S, Lê Văn K, Lê Văn X, Lê Thị D, Lê Văn S, Lê Văn C, Lê Văn G, Lê Thị M. Ngoài ra ông T, bà S không có con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Trước khi chết, ông T và bà S không có lập di chúc, có để lại phần đất có diện tích 35.653m² thuộc các thửa đất sau: thửa đất số: 272, diện tích: 661m², mục đích sử dụng: ĐM; thửa đất: 302, diện tích: 6767m², mục đích sử dụng: L; thửa đất: 307, diện tích: 850m², mục đích sử dụng: LNK; thửa đất: 308, diện tích: 4825m², mục đích sử dụng: KNN; thửa đất: 309, diện tích: 3.300m², mục đích sử dụng: L; thửa 326, diện tích 300m², mục đích sử dụng T và thửa đất: 327, diện tích: 18950m², mục đích sử dụng: KNN cùng tờ bản đồ 09 tọa lạc tại xã A Q, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Các thửa đất trên đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41081200623.QSDĐ/103.QĐ.UB cấp ngày 8/4/1994 cho ông Lê Văn T. Ngoài các phần đất trên, cha mẹ bà không còn tài sản nào khác. Những thửa đất này, cha mẹ đã tách chia cho bà trực tiếp canh tác từ năm 1980 các anh chị em đều biết, phần đất bà được chia có diện tích 3.037,5m², cụ thể:

- Thửa đất đo đạc theo họa đồ thửa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thuộc một phần thửa 62 (ký hiệu 62a có diện tích 841,2m²) và một phần thửa 70 (ký hiệu 70a có diện tích 166,6m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tổng cộng diện tích bà D yêu cầu là: 1.007,8m².

- Thửa đất đo đạc theo họa đồ thửa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thuộc một phần thửa 85 (ký hiệu 85 có diện tích 1.978m²) và một phần thửa 152 (ký hiệu 152a có diện tích 36,8m²; 152b có diện tích 10,1m²; 152c có diện tích 4,8m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tổng cộng diện tích bà D yêu cầu là: 2.029,7m². Đất bà D yêu cầu chia thừa kế là đất trống không có tài sản.

Phần đất còn lại trong tổng 35.653m² đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41081200623.QSDĐ/103.QĐ.UB cấp ngày 8/4/1994 cho ông Lê Văn T; bà D không yêu cầu chia thừa kế.

Nguyên đơn đồng ý kết quả đo đạc và định giá; không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đồng ý nộp số tiền 12.811.800 đồng và đã nộp xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Lê Văn X, ông Lê Văn S vắng mặt nhưng theo đơn yêu cầu ngày 10/11/2023 và đơn xin vắng mặt ngày 14/5/2024 ông Lê Văn S và ông Lê Văn X trình bày (BL: 52, 89): Về nguồn gốc đất yêu cầu chia thừa kế, hàng thừa kế thì ông X, ông S trình bày như bà D các anh em đồng ý ký chia đất cho bà D, đơn yêu cầu của bà D là không chính xác.

Các bị đơn bà Lê Thị Sinh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn C, ông Lê Văn G, bà Lê Thị M không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, Thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 613, 614, 623, 649, 651 và 660 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà D chia cho bà 3.037,5m² theo hợp đồng thừa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thuộc một phần thửa 62 (ký hiệu 62a có diện tích 841,2m²), một phần thửa 70 (ký hiệu 70a có diện tích 166,6m²), một phần thửa 85 (ký hiệu 85 có diện tích 1.978m²) và một phần thửa 152 (ký hiệu 152a có diện tích 36,8m²; 152b có diện tích 10,1m²; 152c có diện tích 4,8m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Phần đất còn lại bà D và các bị đơn không yêu cầu chia thừa kế nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp chia

thừa kế theo pháp luật, quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung và thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ Lê Văn T, sinh năm 1919, chết ngày 06/07/2020, theo Trích lục khai tử số 170/TLKT-BS do UBND xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre cấp ngày 08/7/2020 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1922, chết ngày 07/12/2010, theo Trích lục khai tử số 1503/2021/TLKT-BS do UBND xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/8/2021. Ngày 27/10/2023 Tòa án thụ lý vụ án. Như vậy theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 là còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ S. Do đó, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Các bị đơn bà Lê Thị S, ông Lê Văn X, ông Lê Văn K, ông Lê Văn S, ông Lê Văn C, ông Lê Văn G, bà Lê Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ S gồm có 08 người con chung là bà Lê Thị S, sinh năm 1947; ông Lê Văn X, năm 1949; ông Lê Văn K, sinh năm 1952; bà Lê Thị D, sinh năm 1955; ông Lê Văn S, năm 1963; ông Lê Văn C, năm 1964; ông Lê Văn G, sinh năm 1964; bà Lê Thị M, sinh năm 1967; các cụ không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Như vậy di sản thừa kế của cụ T, cụ S sẽ được chia cho 08 người con bà Lê Thị Sinh, ông Lê Văn X, bà Lê Thị D, ông Lê Văn K, ông Lê Văn S, ông Lê Văn C, ông Lê Văn G, bà Lê Thị M.

[5] Về di sản thừa kế: Cụ T, cụ S là vợ chồng hợp pháp, 02 cụ chết để lại di chúc. Tài sản của cụ T, cụ S để lại cụ thể gồm:

Đối với họa đồ thừa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thì thừa đất số 62, 85, 70, 152 có tổng cộng diện tích 34.130,9m². Trong đó: thừa đất số 62 có diện tích 11.077m² (gồm ký hiệu 62, 62a, 62b); thừa đất số 70 có diện tích 3.499,9m² (ký hiệu 70, 70a, 17b); thừa đất số 85 có diện tích 2.016,2m² (gồm ký hiệu 85, 85a, 85b); thừa đất số 152 có diện tích 17.537,8 m² (gồm có các ký hiệu: 152, 152a, 152b, 152c) cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn bà Lê Thị D yêu cầu các bị đơn bà Lê Thị S, ông Lê Văn X, ông Lê Văn K, ông Lê Văn S, ông Lê Văn C, ông Lê Văn G, bà Lê Thị M chia cho bà D có diện tích 3.037,5m² thuộc một phần thừa 62 (ký hiệu 62a có diện tích 841,2m²), một phần thừa 70 (ký hiệu 70a có diện tích 166,6m²), một phần thừa 85 (ký hiệu 85 có diện tích 1.978m²) và một phần thừa 152 (ký hiệu 152a có diện tích 36,8m²; 152b có diện tích 10,1m²; 152c có diện tích 4,8m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy phần đất bà D yêu cầu được chia 3.037,5m² không vượt quá 01 kỷ phần (4.226,3m² = 34.130,9m²/8).

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D chia cho bà D 3.037,5m² theo hợp đồng thừa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Pthuộc một phần thửa 62 (ký hiệu 62a có diện tích 841,2m²), một phần thửa 70 (ký hiệu 70a có diện tích 166,6m²), một phần thửa 85 (ký hiệu 85 có diện tích 1.978m²) và một phần thửa 152 (ký hiệu 152a có diện tích 36,8m²; 152b có diện tích 10,1m²; 152c có diện tích 4,8m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

[7] Phần đất còn lại thuộc một phần các thửa đất số 62, 70, 85, 152 bà D và các bị đơn không yêu cầu chia thừa kể nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đồng ý nộp số tiền 12.811.800 đồng và đã nộp xong, không yêu cầu Tòa án xem xét.

[9] Về án phí: Do bà Lê Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 613, 614, 623, 649, 651 và 660 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Lê Thị D đối với các bị đơn bà Lê Thị Sinh, ông Lê Văn X, ông Lê Văn Không, ông Lê Văn S, ông Lê Văn C, ông Lê Văn G, bà Lê Thị M.

Bà D được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có tổng cộng diện tích 3.037,5m² theo hợp đồng thừa đất ngày 02/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Pthuộc một phần thửa 62 (ký hiệu 62a có diện tích 841,2m²), một phần thửa 70 (ký hiệu 70a có diện tích 166,6m²), một phần thửa 85 (ký hiệu 85 có diện tích 1.978m²) và một phần thửa 152 (ký hiệu 152a có diện tích 36,8m²; 152b có diện tích 10,1m²; 152c có diện tích 4,8m²) cùng tờ bản đồ 32 tọa tại xã A Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. (Có hợp đồng thừa đất kèm theo).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị D đồng ý nộp 12.811.800 (Mười triệu, tám trăm Mmốt nghìn) đồng và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết